TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Lý Quốc Trưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1985; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà K có mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày: Bà K và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 21/4/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 15/4/2006 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/9/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên thường xuyên cãi nhau, do mâu thuẫn trầm trọng nên bà K và ông Đ đã ly thân

khoảng 02 năm. Nay bà K nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà K yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà K tự nguyện giao 02 con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, bà K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 21/4/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông Đ là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Phan Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cư trú tại xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Xét thấy ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

[3] Về hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà K xác định không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy ông Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông Đ không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà K. Như vậy, lời trình

bày của bà K về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà K với ông Đ đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà K và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 15/4/2006 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/9/2008. Tại phiên tòa, bà K tự nguyện giao 02 con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy 02 con chung hiện đang sống với ông Đ do ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay. Bà K tự nguyện giao 02 con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập của con chung, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị K xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Văn Đ không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị K đối với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị K ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao 02 con chung gồm Nguyễn Trọng H, sinh ngày 15/4/2006 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/9/2008 cho ông Nguyễn Văn Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phan Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Phan Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003090 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã B, huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng